



BẢN SÁCH

**CÔNG TY TNHH MTV SÁCH VÀ
THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC TỈNH ĐẮK NÔNG**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015



MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 23

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty TNHH MTV Sách và Thiết bị Trường học Tỉnh Đắk Nông công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Thông tin khái quát

Công ty TNHH MTV Sách và Thiết bị Trường học Tỉnh Đắk Nông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập từ việc chuyển đổi Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Sách và Thiết bị Trường học Tỉnh Đắk Nông thành Công ty TNHH một thành viên theo Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 05/03/2013 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Đắk Nông. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6400001087 ngày 30/06/2010 của Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Nông, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 6 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 09/02/2015.

Vốn điều lệ (theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 09/02/2015): 1.267.645.192 đồng

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Đường Quang Trung, Tổ dân phố 2, P Nghĩa Tân, TX Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông
- Điện thoại: (84) 0501.3555779
- Fax: (84) 0501.3545872

Ngành nghề kinh doanh chính

- Mua, bán: Sách giáo khoa, sách tham khảo, vở, văn phòng phẩm, thiết bị dạy học, mỹ phẩm, đồ chơi trẻ em, dụng cụ thể dục, thể thao, âm nhạc;
- In ấn trong lĩnh vực giáo dục;
- Liên kết sản xuất, kinh doanh thiết bị dạy học, thiết bị văn phòng, máy vi tính, thiết bị điện – điện tử, bàn ghế học sinh, hàng trang trí nội thất, các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao;
- Dịch vụ du lịch;
- Thực hiện các dịch vụ, nghiệp vụ tư vấn các sản phẩm thuộc ngành, nghề kinh doanh và dịch vụ.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 15 người. Trong đó, viên chức quản lý 1 người. Chủ tịch Công ty, Giám đốc và Phụ trách Kế toán trong kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này gồm có:

- | | | |
|-------------------------|------------------------|--------------------------|
| • Ông Ngô Xuân Hà | Chủ tịch kiêm Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 12/02/2015 |
| • Bà Phan Thị Bích Toàn | Phụ trách Kế toán | Bổ nhiệm ngày 01/01/2015 |

Nội dung khác

Căn cứ vào quyết định cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Sách và TBTH Tỉnh Đắk Nông, Công ty đã xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 30/06/2011. Tuy nhiên đến thời điểm hiện nay vẫn chưa có quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Do đó, Báo cáo tài chính này chưa bao gồm các điều chỉnh theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 10/01/2012.

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Giám đốc



Ngô Xuân Hà

Gia Nghĩa, ngày 21 tháng 03 năm 2016



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 290/2016/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Giám đốc Công ty TNHH MTV Sách và Thiết bị trường học Tỉnh Đắk Nông

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Sách và Thiết bị trường học Tỉnh Đắk Nông (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 21/03/2016, từ trang 5 đến trang 23, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Như trình bày tại thuyết minh số 30, Công ty bị truy thu thuế (năm 2004 và 2005), tổng số tiền 403.372.463 đồng (số đã nộp: 25.000.000 đồng, số còn phải nộp: 378.372.463 đồng) theo kết luận số 1785/KL-UBND của Chủ tịch UBND Tỉnh Đắk Nông ngày 11/09/2007 "Về việc thanh tra hoạt động sản xuất kinh doanh và chấp hành pháp luật tại Công ty Sách và Thiết bị Trường học Đắk Nông". Tuy nhiên, theo văn bản số 99/TTr-STC ngày 23/04/2015 của Sở Tài Chính Tỉnh Đắk Nông "Về việc điều chỉnh sổ sách kế toán của Công ty Sách và Thiết bị Trường học Đắk Nông theo kết luận 1785/KL-UBND" thì để có cơ sở cho Công ty điều chỉnh lại sổ sách kế toán; đề nghị UBND Tỉnh Đắk Nông chỉ đạo Thanh tra Tỉnh Đắk Nông tiếp nhận lại hồ sơ để khắc phục một số hồ sơ chưa đầy đủ tính pháp lý. Với các tài liệu kế toán hiện có tại Công ty, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần phải điều chỉnh các khoản truy thu thuế này hay không. Do đó, ảnh hưởng của khoản truy thu thuế này đến Báo cáo tài chính còn tùy thuộc vào quyết định của các cơ quan có thẩm quyền.

2. Như trình bày tại mục (**) thuyết minh số 7, Công ty đã hạch toán các khoản phải thu hồi (tiền lương, mua bảo hiểm nhân thọ, tiền các cá nhân bán hàng không nộp quỹ ...) theo kết luận số 1785/KL-UBND của Chủ tịch UBND Tỉnh Đắk Nông ngày 11/09/2007, số tiền: 714.717.271 đồng vào thu nhập khác trong kỳ (trong đó người lao động đã nộp vào tài khoản tạm giữ của thanh tra Tỉnh Đắk Nông và Thanh tra Tỉnh Đắk Nông đã nộp vào Ngân sách Nhà nước là 512.867.217 đồng, phần chưa nộp là 201.850.054 đồng). Với các tài liệu được cung cấp, kiểm toán viên không thể xác định được liệu các khoản phải thu này có khả năng thu hồi toàn bộ và được hoàn trả về Công ty hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại thuyết minh số 27 của Báo cáo tài chính, lỗ lũy kế của Công ty tại thời điểm 31/12/2015 lên đến (4.192.628.633) đồng, khoản mục vốn chủ sở hữu âm (126.272.738) đồng và nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 1.474.282.961 đồng. Theo đó, khả năng hoạt động của Công ty phụ thuộc vào hoạt động có lãi trong tương lai và/hoặc sự hỗ trợ tài chính từ chủ sở hữu để đảm bảo cho Công ty có đủ nguồn lực tiếp tục hoạt động bình thường trong các năm tiếp theo. Các báo cáo tài chính đính kèm không bao gồm bất cứ điều chỉnh nào liên quan đến vấn đề này.

CHUNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH



Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Việt Cường
Số chứng thực: 21090
Ngày: 28-11-2018
SCT/BS
Công chứng viên
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG VÕ THỊ MỸ NGỌC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1
Đà Nẵng, ngày 21 tháng 03 năm 2016

Lê Văn Long – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3303-2015-010-1



Phạm Thị Duyên

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		6.633.435.595	1.954.424.463
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		475.329.077	270.867.094
1. Tiền	111	5	475.329.077	270.867.094
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.351.286.889	1.676.654.369
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	3.722.741.400	759.299.654
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.635.000	3.000.500
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	1.739.823.231	1.029.266.957
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(114.912.742)	(114.912.742)
IV. Hàng tồn kho	140		614.673.218	-
1. Hàng tồn kho	141	8	614.673.218	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		192.146.411	6.903.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9a	192.146.411	6.903.000
2. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.348.010.223	725.995.188
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		833.543.368	255.310.636
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	728.076.699	255.310.636
- Nguyên giá	222		1.855.602.088	1.352.171.770
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.127.525.389)	(1.096.861.134)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	105.466.669	-
- Nguyên giá	228		185.527.570	69.527.570
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(80.060.901)	(69.527.570)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		514.466.855	470.684.552
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9b	514.466.855	470.684.552
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		7.981.445.818	2.680.419.651


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		8.107.718.556	3.900.394.805
I. Nợ ngắn hạn	310		8.107.718.556	3.900.394.805
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	5.052.933.023	3.211.208.760
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	224.465.795	154.497.216
3. Phải trả người lao động	314		154.662.041	119.293.569
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	2.777.401.125	517.138.688
5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(101.743.428)	(101.743.428)
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(126.272.738)	(1.219.975.154)
I. Vốn chủ sở hữu	410		(126.272.738)	(1.219.975.154)
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	15	3.938.298.587	3.938.298.587
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	15	128.057.308	128.057.308
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	15	(4.192.628.633)	(5.286.331.049)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(5.286.331.049)	(4.700.393.774)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.093.702.416	(585.937.275)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		7.981.445.818	2.680.419.651

Giám đốc

Ngô Xuân Hà
Gia Nghĩa, ngày 21 tháng 03 năm 2016

Phụ trách kế toán



Phan Thị Bích Toàn

Người lập biểu



Phan Thị Bích Toàn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	16	6.990.730.839	1.023.365.307
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	17	116.024.232	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cung cấp dịch vụ	10		6.874.706.607	1.023.365.307
4. Giá vốn hàng bán	11	18	5.100.121.672	831.907.634
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cung cấp dịch vụ	20		<u>1.774.584.935</u>	<u>191.457.673</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.033.172	148.411
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	19a	200.012.241	151.034.977
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19b	1.225.288.347	733.594.327
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>351.317.519</u>	<u>(693.023.220)</u>
11. Thu nhập khác	31	20	770.171.817	135.991.556
12. Chi phí khác	32	21	27.786.920	28.905.611
13. Lợi nhuận khác	40		<u>742.384.897</u>	<u>107.085.945</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>1.093.702.416</u>	<u>(585.937.275)</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>1.093.702.416</u>	<u>(585.937.275)</u>

Giám đốc



Ngô Xuân Hà

Gia Nghĩa, ngày 21 tháng 03 năm 2016

Phụ trách kế toán

Phan Thị Bích Toàn

Người lập biểu

Phan Thị Bích Toàn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.093.702.416	(585.937.275)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	10,11	41.197.586	117.896.556
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.033.172)	(148.411)
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		1.132.866.830	(468.189.130)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3.674.632.520)	(300.443.793)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	8	(614.673.218)	409.246.941
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		3.707.958.433	483.481.866
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	9	(229.025.714)	101.009.389
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		322.493.811	225.105.273
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(120.065.000)	(21.763.637)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.033.172	148.411
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(118.031.828)	(21.615.226)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		204.461.983	203.490.047
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		270.867.094	67.377.047
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	475.329.077	270.867.094

Giám đốc

Phan Thị Bích Toàn
Gia Nghĩa, ngày 21 tháng 03 năm 2016

Phụ trách kế toán

Phan Thị Bích Toàn

Người lập biểu

Phan Thị Bích Toàn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty TNHH MTV Sách và Thiết bị Trường học Tỉnh Đắk Nông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập từ việc chuyển đổi Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Sách và Thiết bị Trường học Tỉnh Đắk Nông thành Công ty TNHH một thành viên theo Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 05/03/2013 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Đắk Nông. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6400001087 ngày 30/06/2010 của Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Nông, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 6 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 09/02/2015.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Thương mại

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Mua, bán: Sách giáo khoa, sách tham khảo, vở, văn phòng phẩm, thiết bị dạy học, mỹ phẩm, đồ chơi trẻ em, dụng cụ thể dục, thể thao, âm nhạc;
- In ấn trong lĩnh vực giáo dục;
- Liên kết sản xuất, kinh doanh thiết bị dạy học, thiết bị văn phòng, máy vi tính, thiết bị điện – điện tử, bàn ghế học sinh, hàng trang trí nội thất, các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao;
- Dịch vụ du lịch;
- Thực hiện các dịch vụ, nghiệp vụ tư vấn các sản phẩm thuộc ngành, nghề kinh doanh và dịch vụ.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng

Ngày 22/12/2014 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực từ năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015. Theo hướng dẫn của Thông tư 200, ảnh hưởng do thay đổi các chính sách kế toán được Công ty áp dụng phi hồi tố.

Ngoài ra, một số chỉ tiêu tương ứng của kỳ trước đã được phân loại lại (xem Thuyết minh số 29) nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu kỳ này, phù hợp với quy định về lập Báo cáo tài chính tại Thông tư 200.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các khoản nợ phải thu được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Các khoản nợ phải thu là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên giao dịch.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 20
Phương tiện vận tải	05 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	04 – 06

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 tháng đến 36 tháng.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.7 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính

Thời điểm ghi nhận nợ phải trả là thời điểm phát sinh nghĩa vụ phải thanh toán của Công ty hoặc khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Các khoản nợ phải trả là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

4.8 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh số vốn thực tế đã góp

Lợi nhuận tại Công ty được phân phối theo quy định tại Nghị định 71/2013/NĐ-CP ngày 11/07/2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.9 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế

4.10 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.11 Giá vốn hàng bán

Giá vốn và khoản doanh thu tương ứng được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

4.12 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.13 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng được ghi nhận trong kỳ là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận là các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi giảm khi Công ty hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

4.14 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.15 Quản lý rủi ro

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.16 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng: Sách giáo khoa và các loại sách tham khảo hỗ trợ sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế; các loại sách và thiết bị văn phòng, dụng cụ học tập chịu thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất 20% đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá 20 tỷ đồng theo quy định tại khoản 2 điều 11 thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ tài chính.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	31/12/2015	01/01/2015
Tiền mặt	429.240.522	83.731.121
Tiền gửi ngân hàng	46.088.555	187.135.973
Cộng	<u>475.329.077</u>	<u>270.867.094</u>

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2015	01/01/2015
Nhà sách Văn Khoa	856.140.000	-
Công ty TNHH Thiên Mã	126.000.000	-
Công ty TNHH MTV TMXD Quốc Đạt Đắk Nông	364.840.000	-
Công ty TNHH Thanh Tâm Đức	1.495.080.000	-
Nhà sách Giáo dục Gia Nghĩa	205.015.746	282.015.746
Các đối tượng khác	675.665.654	477.283.908
Cộng	<u>3.722.741.400</u>	<u>759.299.654</u>

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu về xử lý tài chính quy trách nhiệm cá nhân (*)	938.445.258	-	975.645.258	-
- Ông Ngô Đình Thanh	653.610.284	-	690.810.284	-
- Ông Tạ Danh Quang	100.413.180	-	100.413.180	-
- Ông Tạ Danh Nghĩa	49.364.461	-	49.364.461	-
- Bà Tạ Thị Hợi	135.057.333	-	135.057.333	-
Phải thu thanh tra Tỉnh Đắk Nông (**)	512.867.271	-	-	-
Phải thu cá nhân về các khoản chi sai chế độ (**)	201.850.000	-	-	-
- Ông Lê Minh Hậu	52.850.000	-	-	-
- Bà Nguyễn Thị Hương	50.000.000	-	-	-
- Bà Mai Thị Sang	45.000.000	-	-	-
- Ông Nguyễn Mai Quang	32.000.000	-	-	-
- Bà Ngô Thị Nhâm	22.000.000	-	-	-
Tạm ứng	13.476.369	-	6.286.187	-
Phải thu khác	73.184.333	-	47.335.512	-
Cộng	<u>1.739.823.231</u>	<u>-</u>	<u>1.029.266.957</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

(*) Các khoản nợ phải thu về xử lý tài chính quy trách nhiệm đối với các cá nhân (do trách nhiệm đối với tiền nợ tồn đọng không thu hồi được, chi tạm ứng sai quy định ...) theo quyết định của Giám đốc Công ty.

(**) Theo kết luận số 1785/KL-UNND của Chủ tịch UBND Tỉnh Đắk Nông ngày 11/09/2007 khoản phải thu hồi (tiền lương, mua bảo hiểm nhân thọ, tiền các cá nhân bán hàng không nộp quỹ ...), số tiền: 714.717.271 đồng (trong đó người lao động đã nộp vào tài khoản tạm giữ của thanh tra Tỉnh Đắk Nông và Thanh tra Tỉnh Đắk Nông đã nộp vào Ngân sách Nhà nước là 512.867.217 đồng, phần chưa nộp là 201.850.054 đồng). Ngày 23/04/2015, Sở Tài chính Tỉnh Đắk Nông đã có văn bản số 99/TTr-STC hướng dẫn Công ty hạch toán phải thu lại các khoản phải thu hồi trên đồng thời ghi nhận tăng thu nhập.

8. Hàng tồn kho

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	614.673.218	-	-	-
Cộng	614.673.218	-	-	-

9. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Chi phí mặt bằng	120.000.000	-
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	48.560.763	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	23.585.648	6.903.000
Cộng	192.146.411	6.903.000

b. Dài hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Chi phí san ủi mặt bằng	433.508.646	443.590.242
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	59.184.016	25.781.810
Chi phí trả trước dài hạn khác	21.774.193	1.312.500
Cộng	514.466.855	470.684.552

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số đầu kỳ	574.731.770	666.540.000	110.900.000	1.352.171.770
Đ.tr XDCB h/thành	503.430.318	-	-	503.430.318
Số cuối kỳ	1.078.162.088	666.540.000	110.900.000	1.855.602.088
Khấu hao				
Số đầu kỳ	322.193.606	666.540.000	108.127.528	1.096.861.134
Khấu hao trong kỳ	27.891.783	-	2.772.472	30.664.255
Số cuối kỳ	350.085.389	666.540.000	110.900.000	1.127.525.389
Giá trị còn lại				
Số đầu kỳ	252.538.164	-	2.772.472	255.310.636
Số cuối kỳ	728.076.699	-	-	728.076.699

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2015: 1.029.270.087 đồng.

Tại ngày 31/12/2015 không có tài sản cố định cầm cố, thế chấp các khoản vay..

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số đầu kỳ	69.527.570	69.527.570
Tăng trong kỳ	116.000.000	116.000.000
Số cuối kỳ	185.527.570	185.527.570
Khấu hao		
Số đầu kỳ	69.527.570	69.527.570
Khấu hao trong kỳ	10.533.331	10.533.331
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	80.060.901	80.060.901
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ	-	-
Số cuối kỳ	105.466.669	105.466.669

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 30/09/2015: 69.527.570 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Công ty TNHH MTV In Đăk Lăk	463.281.394	268.802.361
Công ty CP Sách - TBTH Đăk Lăk	1.526.969.312	1.544.053.572
Công ty TNHH tư vấn và XD Nguyên Cát	192.700.000	192.700.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư TM An Hưng	1.493.833.000	-
Các đối tượng khác	1.376.149.317	1.205.652.827
Cộng	5.052.933.023	3.211.208.760

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT	90.974.802	130.174.457	90.974.802	130.174.457
Thuế thu nhập cá nhân	-	777.268	685.956	91.312
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	35.015.301	62.349.000	36.221.301	61.143.000
Các loại thuế khác	28.507.113	9.388.197	4.838.284	33.057.026
Cộng	154.497.216	202.688.922	132.720.343	224.465.795

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

14. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2015	01/01/2015
Kinh phí công đoàn	9.897.015	6.173.015
Bảo hiểm xã hội	255.163.183	155.121.015
Bảo hiểm y tế	35.216.551	26.872.998
Bảo hiểm thất nghiệp	23.559.610	11.537.660
Ngân sách Tỉnh Đăk Nông	2.000.000.000	-
Phải trả về trợ cấp thôi việc	-	19.467.000
Bà Nguyễn Thị Hoa	365.000.000	228.000.000
Bà Lê Thị Lan	69.967.000	69.967.000
Phải trả ngắn hạn khác	18.597.766	-
Cộng	2.777.401.125	517.138.688

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2014	3.938.298.587	128.057.308	(4.700.393.774)
Tăng trong năm	-	-	(585.937.275)
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2014	3.938.298.587	128.057.308	(5.286.331.049)
Số dư tại 01/01/2015	3.938.298.587	128.057.308	(5.286.331.049)
Tăng trong kỳ	-	-	1.093.702.416
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 31/12/2015	3.938.298.587	128.057.308	(4.192.628.633)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2015	01/01/2015
Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Đắk Nông	3.938.298.587	3.938.298.587
Cộng	3.938.298.587	3.938.298.587

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2015	01/01/2015
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	(5.286.331.049)	(4.700.393.774)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.093.702.416	(585.937.275)
Phân phối lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(4.192.628.633)	(5.286.331.049)

16. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015	Năm 2014
Doanh thu bán hàng hóa	6.990.730.839	1.023.365.307
Cộng	6.990.730.839	1.023.365.307

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2015	Năm 2014
Chiết khấu thương mại	116.024.232	-
Cộng	116.024.232	-

18. Giá vốn hàng bán

	Năm 2015	Năm 2014
Giá vốn hàng hóa	5.100.121.672	831.907.634
Cộng	5.100.121.672	831.907.634

19. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương	143.321.511	52.056.453
Khấu hao tài sản cố định	9.570.276	52.959.776
Chi phí bán hàng khác	47.120.454	46.018.748
Cộng	200.012.241	151.034.977

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương	619.507.234	367.752.467
Khấu hao tài sản cố định	35.927.309	64.936.780
Các chi phí khác	569.853.804	300.905.080
Cộng	1.225.288.347	733.594.327

20. Thu nhập khác

	Năm 2015	Năm 2014
Cho thuê mặt bằng cửa hàng Đắk Mil, Cư Jút, Đắk Lắk	55.454.546	60.000.000
Thu hồi khoản chi theo Công văn CV 99/TTr-STC	714.717.271	-
Thu nhập khác	-	75.991.556
Cộng	770.171.817	135.991.556

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá hàng hóa.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa sách, thiết bị trường học và các loại văn phòng phẩm khác từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá hàng hóa mua vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty lựa chọn những nhà cung cấp uy tín, quan hệ kinh doanh lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Đồng thời, Công ty đã áp dụng chính sách ký hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung cấp truyền thống và đa dạng hóa các nguồn cung cấp của Công ty. Với chính sách quản lý về giá trên, Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động về giá hàng hóa ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty xây dựng hạn mức bán hàng với những khách hàng bán tín chấp lâu năm. Với những khách hàng mới, Công ty tìm hiểu kỹ về khả năng tài chính và thanh toán của khách hàng từ đó xác định bán tín chấp hay thanh toán trước tiền hàng. Ngoài ra, giữa bộ phận kinh doanh và bộ phận tài chính kế toán luôn có sự đối chiếu thông tin về các khoản công nợ đến hạn thanh toán cũng như quá hạn để kịp thời đôn đốc và có biện pháp thu nợ thích hợp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31/12/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	5.052.933.023	-	5.052.933.023
Phải trả khác	2.453.564.766	-	2.453.564.766
Cộng	7.506.497.789	-	7.506.497.789
31/12/2014	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	3.211.208.760	-	3.211.208.760
Phải trả khác	317.434.000	-	317.434.000
Cộng	3.528.642.760	-	3.528.642.760

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền	475.329.077	-	475.329.077
Phải thu khách hàng	3.607.828.658	-	3.607.828.658
Phải thu khác	1.726.346.862	-	1.726.346.862
Cộng	5.809.504.597	-	5.809.504.597
31/12/2014	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền	270.867.094	-	270.867.094
Phải thu khách hàng	644.386.912	-	644.386.912
Phải thu khác	1.029.266.957	-	1.029.266.957
Cộng	1.944.520.963	-	1.944.520.963

Giám đốc cho rằng Công ty có rủi ro thanh khoản. Tuy nhiên, tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

27. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở giả định rằng Công ty có khả năng hoạt động liên tục.

Như được trình bày trên báo cáo tài chính, đến ngày 31/12/2015, khoản lỗ lũy kế của Công ty lên đến (4.192.628.633) đồng, khoản mục vốn chủ sở hữu âm (126.272.738) đồng và nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 1.474.282.961 đồng. Để đảm bảo khả năng hoạt động liên tục, Giám đốc Công ty tiếp tục thực hiện các biện pháp quản lý chặt chẽ cơ cấu nợ, xây dựng hợp lý kế hoạch kinh doanh với cơ cấu nguồn vốn phù hợp. Giám đốc tin tưởng rằng kết quả hoạt động kinh doanh các năm tiếp theo sẽ khả quan hơn và mang lại nguồn lợi nhuận hợp lý để đảm bảo cho khả năng thanh toán của Công ty. Do đó, theo đánh giá của Giám đốc, việc báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

29. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán bởi AAC. Một số chỉ tiêu so sánh trên Báo cáo tài chính đã được phân loại lại nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu năm nay, phù hợp với quy định về lập Báo cáo tài chính tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Cụ thể như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	31/12/2014	01/01/2015 Trình bày lại
Phải thu ngắn hạn khác	1.022.980.770	1.029.266.957
Tài sản ngắn hạn khác	6.286.187	-
Quỹ đầu tư phát triển	205.318.808	128.057.308
Quỹ dự phòng tài chính	(77.261.500)	-

30. Những thông tin khác

Theo kết luận số 1785/KL-UBND ngày 11/09/2007 của Chủ tịch UBND Tỉnh Đắk Nông thì Công ty bị truy thu và phạt thuế năm 2004, 2005, tổng số tiền là 403.372.463 đồng (số đã nộp: 25.000.000 đồng, số còn phải nộp: 378.372.463 đồng). Tuy nhiên, theo văn bản số 99/TTr-STC ngày 23/04/2015 của Sở Tài Chính Tỉnh Đắk Nông "Về việc điều chỉnh sổ sách kế toán của Công ty Sách và Thiết bị Trường học Đắk Nông theo kết luận 1785/KL-UBND" thì để có cơ sở cho Công ty điều chỉnh lại sổ sách kế toán; đề nghị UBND Tỉnh Đắk Nông chỉ đạo Thanh tra Tỉnh Đắk Nông tiếp nhận lại hồ sơ để khắc phục một số hồ sơ chưa đầy đủ tính pháp lý. Do đó, Công ty vẫn chưa nộp cũng như chưa ghi nhận khoản thuế còn phải nộp vào Báo cáo tài chính.



Ngô Xuân Hà

Gia Nghĩa, ngày 21 tháng 03 năm 2016

Phụ trách kế toán

Phan Thị Bích Toàn

Người lập biểu

Phan Thị Bích Toàn

